

## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
<b>E-ĐKC 1.4</b>	<p>Chủ đầu tư là: Công ty Điện lực Đồng Tháp</p> <p>- Địa chỉ: Số 248, đường Lê Đại Hành, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp</p> <p>Tài khoản: 1030707777 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN- Chi nhánh Tiền Giang. Chủ tài khoản: Công ty Điện Lực Đồng Tháp.</p> <p>- Điện thoại: 02773657657</p> <p>- Email: pcdongthap@evnspc.vn</p> <p>- Mã số thuế: 0300942001-018.</p>
<b>E-ĐKC 1.7</b>	<p>Công trình bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tên gói thầu: Thi công sửa chữa.</li><li>- Tên dự án là: Sửa chữa lưới điện phân phối khu vực Cai Lậy năm 2026</li></ul> <p>Địa điểm xây dựng: Phường Mỹ Phước Tây, phường Nhị Quý, phường Cai Lậy, xã Long Tiên, xã Hiệp Đức và xã Ngũ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp</p>
<b>E-ĐKC 1.10</b>	<p>Địa điểm Công trường tại: Phường Mỹ Phước Tây, phường Nhị Quý, phường Cai Lậy, xã Long Tiên, xã Hiệp Đức và xã Ngũ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp</p>
<b>E-ĐKC 1.16</b>	<p>Ngày hoàn thành là: 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, trong đó thời gian thi công xây lắp hoàn tất công trình là 80 ngày kể từ ngày khởi công (đã bao gồm ngày nghỉ, lễ theo quy định).</p>
<b>E-ĐKC 1.17</b>	<p>Ngày hoàn thành là: 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, trong đó thời gian thi công xây lắp hoàn tất công trình là 80 ngày kể từ ngày khởi công (đã bao gồm ngày nghỉ, lễ theo quy định).</p>
<b>E-ĐKC 1.18</b>	<p>Ngày khởi công là : Là ngày Chủ đầu tư phát lệnh khởi công công trình.</p>
<b>E-ĐKC 1.19</b>	<p>Nhà thầu là: ___ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].</p>

<b>E-ĐKC 1.29</b>	<p>Tư vấn giám sát là: Đội Quản lý điện Cai Lậy - Công ty Điện lực Đồng Tháp</p> <p>Địa chỉ: Số 433, phường Cai Lậy, tỉnh Đồng Tháp. Số điện thoại: 0273 2214606 (Tổ Kỹ thuật) Số Fax: 02733.826676.</p>
<b>E-ĐKC 2.1</b>	Hoàn thành từng phần: không áp dụng
<b>E-ĐKC 2.3(i)</b>	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch thi công, Biểu tiến độ thi công chi tiết;</li> <li>- Biện pháp tổ chức thi công;</li> <li>- Thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt;</li> <li>- Các đề xuất của nhà thầu được bên giao thầu chấp thuận (nếu có)</li> <li>- Danh sách cán bộ chủ chốt của nhà thầu (chỉ huy trưởng công trình, cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công, giám sát B...)</li> <li>- Danh sách các loại máy móc thiết bị thi công và vật tư thiết bị mà nhà thầu đăng ký sử dụng cho công trình;</li> <li>- Các phụ lục kèm theo của hợp đồng (nếu có).</li> </ul>
<b>E-ĐKC 5.2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: <b>5% (năm phần trăm)</b> giá hợp đồng. Nhà thầu phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho chủ đầu tư trong vòng <b>07 ngày (bảy ngày)</b> sau ngày hợp đồng được ký kết.</li> <li>- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực (tùy điều kiện nào đến trước) cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.</li> <li>- Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là ... phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.</li> <li>- Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là ...phần trăm (%) giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.</li> </ul>

	<p>- Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;</li> <li>+ Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</li> <li>+ Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng;</li> <li>+ Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng;</li> <li>+ Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích.</li> </ul> <p>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.</p> <p>- Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.</p> <p>Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</p>
<b>E-ĐKC 5.4</b>	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được Bên A giải tỏa và trả lại cho Bên B không chậm hơn 28 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ của Hợp đồng, Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành từ Bên B</p>
<b>E-ĐKC 8.2(d)</b>	<p>Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu..</p>
<b>E-ĐKC 8.8(a)</b>	<p>Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường</p>
<b>E-ĐKC 8.11</b>	<p>Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 10 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.</p>
<b>E-ĐKC 9.3</b>	<p>Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.</p>
<b>E-ĐKC 11.1</b>	<p>Danh sách nhà thầu phụ: Không áp dụng.</p>
<b>E-ĐKC 11.2</b>	<p>Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 0% giá hợp đồng.</p>

<b>E-ĐKC 11.4</b>	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Không áp dụng.
<b>E-ĐKC 19.1</b>	<p>Yêu cầu về bảo hiểm:</p> <p>Đối với Nhà thầu: Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu.</p> <p>Chứng thư bảo hiểm xây lắp công trình sẽ được xuất trình chậm nhất là 07 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, thời gian bảo hiểm là <b>21 tháng (gồm 3 tháng thi công + 18 tháng bảo hành)</b> kể từ ngày khởi công xây dựng công trình.</p> <p>Số tiền bảo hiểm tối thiểu và tiền khấu trừ phải là:</p> <p>(a) Cho các tổn thất hoặc hư hỏng công trình và vật liệu: 110% giá hợp đồng.</p> <p>(b) Cho các tổn thất hoặc hư hỏng thiết bị: Bồi thường cho Chủ dự án theo giá thị trường do Chủ dự án quyết định (nhưng không nhỏ hơn giá trị xuất kho của Chủ dự án), cộng thêm các chi phí bảo hiểm, lưu kho, lưu bãi, v.v... được tính chung là 10% giá hợp đồng. Nhà thầu phải hoàn tất việc bồi thường trước khi quyết toán công trình. Trường hợp Nhà thầu trả bằng hiện vật thì phải đúng chủng loại, nhà cung cấp.</p> <p>(c) Cho các tổn thất hoặc hư hỏng tài sản (ngoài trừ công trình, cây cối, vật liệu và thiết bị) có liên hệ đến hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số tiền bảo hiểm tối thiểu: 50% giá hợp đồng.</li> <li>- Mức phí khấu trừ tối đa: (20.000.000/30.000.000) đồng.</li> </ul> <p>(d) Đối với tổn hại cá nhân hoặc chết:</p> <p>(i) Nhân viên của Nhà thầu: Tối thiểu 100.000.000 đồng / người.</p> <p>Của người khác: Tối thiểu 100.000.000 đồng / người.</p>
<b>E-ĐKC 20.1(a)</b>	Thời gian bảo hành công trình 18 tháng, kể từ ngày____ tháng____ năm____
<b>E-ĐKC 21</b>	Thông tin về Công trường là: Nhà thầu được coi là đã thẩm tra và xem xét công trường, khu vực xung quanh công trường, các số liệu và thông tin liên quan đến công trường và đã được thỏa mãn trước khi nộp thầu.
<b>E-ĐKC 24</b>	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: ít nhất là 07 ngày sau khi Chủ đầu tư cùng phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện việc tiếp nhận và bàn giao mặt bằng.
<b>E-ĐKC 27.2</b>	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: tối đa là 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản khiếu nại của nhà thầu hoặc chủ đầu tư.</p> <p>Giải quyết tranh chấp: Nhà thầu và Chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng,</p>

	hòa giải. Nếu qua thương lượng, hai bên không giải quyết được thì một trong các bên có quyền khởi kiện nội dung tranh chấp lên Tòa án có thẩm quyền tại tỉnh Đồng Tháp để xử lý tranh chấp theo quy định của pháp luật.
<b>B. Quản lý thời gian</b>	
<b>E-ĐKC 28</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày khởi công: ngày Chủ đầu tư phát lệnh khởi công công trình.</li> <li>- Ngày hoàn thành dự kiến: 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, trong đó thời gian thi công xây lắp hoàn tất công trình là 60 ngày kể từ ngày khởi công (đã bao gồm ngày nghỉ, lễ theo quy định).</li> </ul>
<b>E-ĐKC 29.1</b>	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 07 ngày từ ngày ký Hợp đồng.
<b>E-ĐKC 29.4</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 15 ngày/lần khi tiến độ thi công có thay đổi hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư.</li> <li>- Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: Không áp dụng</li> </ul>
<b>E-ĐKC 30.7</b>	Các trường hợp khác: Trường hợp các lý do bất khả kháng như trở ngại trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng hoặc VTTB A cấp, hoặc trở ngại khác thì Chủ đầu tư và nhà thầu có văn bản thoả thuận để điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng.
<b>C. Quản lý chất lượng</b>	
<b>E-ĐKC 33.2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật tư, máy móc, thiết bị:</li> <li>+ Tất cả các vật tư, thiết bị phải có xuất xứ rõ ràng, có chứng nhận chất lượng xuất xưởng của nhà sản xuất, được thí nghiệm đảm bảo chất lượng, thông số kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu thiết kế. Bên A cùng nhà thầu và các bên liên quan tiến hành lấy mẫu ngẫu nhiên trong lô hàng để kiểm tra, thử nghiệm nghiệm thu lô hàng. Số lượng mẫu và các hạng mục thử nghiệm (thông số thử nghiệm) theo <b>Phụ Lục 2</b> phải đáp ứng theo Quy định đặc tính kỹ thuật các vật tư thiết bị lưới điện trung hạ thế đã được Tổng công ty Điện lực miền Nam ban hành tại Quyết định số 192/QĐ-HĐTV ngày 25/7/2025.</li> <li>+ Phần trụ điện BTLT phải được sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN 5847:2016 và được thử nghiệm nghiệm thu dưới sự chứng kiến của Bên A.</li> <li>- Công tác lấy mẫu bê tông, mẫu thí nghiệm độ đầm chặt của đất đối với móng trụ (nếu có) áp dụng theo quy định tại văn bản số 5376/EVN SPC-ĐT ngày 03/7/2019 của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam (văn bản đính kèm). Khi lấy mẫu phải có sự chỉ định của giám sát công trình</li> </ul>

	<p>của Chủ đầu tư. Mẫu kiểm định được niêm phong, được bảo quản và lưu giữ tại công trình; các mẫu này sẽ được Chủ đầu tư và Nhà thầu đưa đi kiểm định khi đủ thời gian qui định. Nếu thử không đạt chất lượng theo các yêu cầu thì Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm xử lý theo quy định hiện hành về QLCL CTXD, toàn bộ chi phí khắc phục do Nhà thầu chịu.</p> <p>- Nhà thầu phải đăng ký đơn vị thí nghiệm hợp chuẩn thực hiện công tác thí nghiệm (nếu có). Toàn bộ chi phí thí nghiệm thuộc chi phí của Nhà thầu.</p>
<b>D. Quản lý chi phí</b>	
<b>E-ĐKC 40</b>	Loại hợp đồng: Hợp đồng giá cố định
<b>E-ĐKC 41.1</b>	Giá hợp đồng: Cố định.
<b>E-ĐKC 42.1</b>	- Tạm ứng: Không áp dụng
<b>E-ĐKC 44.1</b>	<p>- Phương thức thanh toán: Hai bên thống nhất điều khoản thanh toán công trình <b>01 lần bằng tiền VNĐ. Hình thức thanh toán chuyển khoản</b> khi công trình được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Giá trị thanh toán theo hồ sơ nghiệm thu thực tế; quyết toán A-B được 02 bên ký xác nhận.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản.</li> <li>- Đồng tiền thanh toán: Tiền đồng Việt Nam.</li> <li>- Thời hạn thanh toán: Trong vòng <b>30 ngày</b> kể từ khi Nhà thầu xuất trình đầy đủ hồ sơ thanh toán theo yêu cầu.</li> </ul> <p>- Phương thức thanh toán: Hai bên thống nhất điều khoản thanh toán công trình <b>01 lần</b> khi công trình được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Giá trị thanh toán theo hồ sơ nghiệm thu thực tế; quyết toán A-B được 02 bên ký xác nhận.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hồ sơ, chứng từ thanh toán: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản đề nghị thanh toán của Bên B.</li> <li>+ Quyết toán A-B thể hiện các nội dung: Giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và đại diện Nhà thầu.</li> <li>+ Hồ sơ hoàn công: Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, biên bản xác nhận VTTB thu hồi trước và sau tháo gỡ, bảng kê khối lượng xây lắp hoàn thành, quyết toán VTTB A cấp (nếu có), biên bản hoàn trả VTTB A cấp sử dụng thừa (nếu có), biên bản bàn giao VTTB thu hồi, bản vẽ hoàn công, bảng phân bổ vật tư từng trụ, dự</li> </ul> </li> </ul>

	<p>toán phát sinh, nhật ký công trình, ... có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư hoặc đại diện của tư vấn và đại diện Nhà thầu.</p> <p>+ Chứng thư bảo lãnh bảo hành công trình của Ngân hàng (có giá trị bằng <b>5% giá trị quyết toán gói thầu</b> và thời hạn bảo lãnh bảo hành công trình <b>18 tháng</b> kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành đưa công trình vào sử dụng, trước khi hết thời gian bảo hành công trình Bên A tổ chức kiểm tra công trình và có biên bản kết luận đồng ý xoá bảo hành công trình).</p> <p>+ Nhà thầu phải nộp bảo lãnh bảo hành công trình trong vòng <b>21 ngày</b> sau ngày nhận được biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa công trình vào sử dụng.</p> <p>+ Hóa đơn hợp lệ do Bên B lập sau khi Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, hồ sơ quyết toán công trình được A-B ký xác nhận..</p>
<b>E-ĐKC 45</b>	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</p>
<b>E-ĐKC 46.1</b>	Phản tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 0% giá trị hợp đồng
<b>E-ĐKC 47.1(d)</b>	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
<b>E-ĐKC 47.7</b>	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
<b>E-ĐKC 49.1</b>	<p>Mức phạt: Nếu nhà thầu vi phạm về thời gian hoàn thành, vượt quá số lần và thời gian cắt điện, chất lượng công việc như quy định tại Hợp đồng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Chủ Đầu tư gây ra, Nhà thầu sẽ bị phạt hợp đồng do chậm tiến độ, vi phạm chất lượng công việc.</p> <p>(a) Phạt vi phạm thời hạn hoàn thành công trình:</p> <p>+ Chậm trễ trong 10 ngày đầu phạt 4% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm;</p> <p>+ Chậm mỗi ngày tiếp theo (kể từ ngày thứ 11 trở về sau) phạt 2% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm (thời gian tính từ ngày kế tiếp sau ngày hoàn thành theo hợp đồng).</p>

	<p>(b) Phạt chất lượng thi công công trình không đúng thỏa thuận trong hợp đồng: 0,1% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm cho các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhà thầu sử dụng vật tư, thiết bị lắp đặt cho công trình không phù hợp với quy định của hợp đồng về chủng loại hàng hóa, xuất xứ, nhãn hiệu và các thông số kỹ thuật theo chỉ dẫn kỹ thuật quy định trong E-HSMT.</li> <li>+ Thi công công trình không đảm bảo chất lượng (gây lún, nứt, chuyển vị, thấm nước, ....., hoàn thiện công trình không đảm bảo tính thẩm mỹ), không phù hợp với quy chuẩn Việt Nam và các tiêu chuẩn Việt Nam về nghiệm thu công trình xây dựng.</li> <li>+ Thi công công trình không đúng Thiết kế bản vẽ thi công.</li> <li>+ Thi công công trình không đúng biện pháp thi công được duyệt để xảy ra tai nạn, sự cố sụp đổ công trình.</li> </ul> <p>(c) Phạt vi phạm các điều khoản khác của hợp đồng có khả năng ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng hoàn thành gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu như đã đề xuất. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu, nhà thầu sẽ bị phạt 10.000.000 đồng khi Chủ đầu tư hoặc Đơn vị TVGS phát hiện và lập biên bản vi phạm lần thứ 02. Trường hợp nhà thầu đã bị phạt mà còn tái phạm thì sẽ bị phạt tiếp 10.000.000 đồng/01 lần vi phạm. Nếu nhà thầu bị phạt trên 05 lần thì sẽ bị xem xét, đánh giá năng lực của nhà thầu khi tham gia dự thầu các gói thầu tiếp theo.</li> <li>+ Nhà thầu có nghĩa vụ hoàn tất hồ sơ quản lý chất lượng; hoàn trả vật tư thiết bị thu hồi, vật tư thiết bị A cấp thừa chậm nhất đến ngày nghiệm thu hoàn thành gói thầu. Trường hợp Nhà thầu thực hiện chậm trễ sau 15 ngày kể từ ngày nghiệm thu, nhà thầu sẽ bị phạt 20.000.000 đồng, cứ mỗi ngày tăng thêm sẽ phạt thêm 2.000.000 đồng/ ngày.</li> </ul> <p>(a) Khi tổng số tiền phạt chất lượng thi công công trình không đúng thỏa thuận trong hợp đồng đến 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm: Chủ đầu tư có quyền đề nghị chấm dứt hợp đồng, đồng thời nhà thầu sẽ bị phạt 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm.</p> <p>(b) Mức phạt hợp đồng không vượt quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm</p>
<b>E-ĐKC 49.2</b>	<p>Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <p>Nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư toàn bộ các thiệt hại thực tế và gián tiếp phát sinh do lỗi, vi phạm của nhà thầu trong quá</p>

	trình thực hiện hợp đồng và bên thứ ba (nếu có), mức bồi thường thiệt hại tương đương với mức tổn thất của bên kia.
<b>E-ĐKC 49.3</b>	Thưởng hợp đồng: không áp dụng.
	<b>E. Kết thúc hợp đồng</b>
<b>E-ĐKC 54</b>	Thời gian bàn giao công trình: trong vòng 15 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư cấp giấy chứng nhận hoàn thành <i>(hoặc trong vòng 02 ngày, kể từ ngày các bên tổ chức nghiệm thu kỹ thuật công trình/hạng mục công trình đối với lưới điện 22kV)</i> .
<b>E-ĐKC 55.1</b>	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công trong vòng 7 ngày kể từ ngày nghiệm thu kỹ thuật/nghiệm thu hoàn thành công
<b>E-ĐKC 55.2</b>	Số tiền giữ lại: 0% giá trị hợp đồng
<b>E-ĐKC 56.1(a)</b>	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 07 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.

